TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2019/DS-ST
Ngày 14-11-2019
"Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2019/QĐXXST-DS, ngày 28/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 257A/2019/QĐST-DS ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thu S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 225, ấp BHA, xã BTT, huyện LV, tỉnh ĐT.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Phú C, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 249, ấp VBB, xã VT, huyện LV, ĐT là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/9/2019). (Có mặt)

2. Bị đơn:

- Chị Phạm Thị Mỹ T, sinh năm 1979.
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 316/948, ấp BT, xã BTT, huyện LV, tỉnh ĐT.

Tạm trú: ấp BHA, xã BTT, huyện LV, tỉnh ĐT. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên toà anh C là người đại diện hợp pháp của bà S trình bày:

Vào ngày 07/6/2013, bà S có cho anh T, chị T vay số tiền 150.000.000 đồng, có làm biên nhận. Lãi suất 3%/tháng. Không thỏa thuận thời gian trả. Sau đó, anh T, chị T trả được hai lần: 27/6/2016 là 40.000.000 đồng, ngày 03/8/2017 là 20.000.000 đồng, có làm biên nhận. Sau khi khởi kiện đến ngày 26/10/2019 trả 8.500.000 đồng, có làm biên nhận. Tổng cộng đã trả được 65.500.000 đồng. Từ khi làm biên nhận đến nay anh T, chị T không trả lãi. Nay anh C yêu cầu anh T, chị T cùng liên đới trả vốn là 81.500.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 96.500.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải anh T là bị đơn trình bày: Thống nhất vợ chồng anh T, chị T có làm biên nhận nợ chị S vốn vay 150.000.000 đồng. Tính đến ngày 26/10/2019 anh T, chị T đã trả được tổng cộng là 65.500.000 đồng, hiện còn nợ tiền vốn 81.500.000 đồng. Do kinh tế đang gặp khó khăn nên xin bỏ phần lãi. Anh T, chị T xin được trả tiền vốn là 81.500.000 đồng, không đồng ý trả lãi nữa. Do chị T bận đi làm giữ trẻ cả ngày không nghỉ được nên không đến Tòa án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T và chị T là bị đơn đang sinh sống tại huyện LV nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện LV, theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T và chị T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do chính đáng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Phía chị S và anh T đều thống nhất số tiền anh T, chị T còn nợ chị S vốn vay là 81.500.000 đồng. Phía anh T đồng ý trả số tiền này. Vì vậy chị S yêu cầu là có căn cứ.

Anh T thừa nhận vay có lãi nhưng nay do kinh tế khó khăn nên không đồng ý trả lãi. Phía chị S vẫn yêu cầu. Xét thấy, đây là hợp đồng vay có lãi, nay phía chị S yêu cầu tính theo lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận.

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất trong trường hợp có tranh chấp về lãi:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính

phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Từ phân tích và điều luật viện dẫn trên, xét thấy yêu cầu của chị S là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh T, chị T bị buộc nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 470, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Huỳnh Thị Thu S.

Buộc chị Phạm Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh Thị Thu S số tiền nợ vay là 81.500.000 đồng (Tám mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) và lãi là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 96.500.000 đồng (Chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Mỹ T và anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.825.000 đồng (Bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Huỳnh Thị Thu S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.161.000 đồng (Ba triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0006235 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.